

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 12 – 2021

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí;
2. Ông Lê Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 624C, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Ấp D, xã E, huyện F, tỉnh An Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hà Xuân P1 – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Phường Y, thành phố K, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Hữu P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà 624C, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Phường M, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của ông Dương Quyết T: Ông Bùi Hữu Đ – Giám đốc Ngân hàng G Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp – Phòng giao dịch huyện C.

Địa chỉ: Khóm A1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

+ Ngân hàng H.

Địa chỉ: Khu đô thị B1, quận C1, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ông Tiết Văn T1: Ông Bùi Hữu L, sinh năm 1974; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng H – Chi nhánh huyện C.

Địa chỉ: Số 122, khóm A1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số: 2965/QĐ-NHN_o-PC ngày 27/12/2019).

Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2004, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị không có quen biết, tìm hiểu nhau, mà kết hôn thông qua mai mối. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian anh chị chung sống với nhau cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2005, 2006 đến nay, do anh P thường hay nhậu, không lo cho cuộc sống kinh tế gia đình và vợ con, sau khi nhậu về nhà thì anh P thường hay kiếm chuyện làm cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khi vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau thì anh P đánh chị L (đánh vào mặt, bóp cổ), hăm dọa tạt axit chị L, có khi còn đánh cả các con. Chị L đã khuyên anh P sửa đổi tính tình để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng anh P không thay đổi. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, chị L về nhà cha mẹ ruột tại ấp D, xã E, huyện F, tỉnh An Giang sống. Gia đình hai bên đã hàn gắn cho anh chị, anh chị cũng đã hàn gắn nhiều lần để đoàn tụ chung sống với nhau nhưng những mâu thuẫn vẫn tiếp diễn, không thể hàn gắn được. Từ khi ly thân đến nay, chị L và anh P không còn quan tâm, giúp đỡ nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P có 03 con chung tên Lê

Khuông D1, sinh ngày 17/3/2005, Lê Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2007 và Lê Nguyễn Cát T1, sinh ngày 08/9/2017.

Hiện nay, cháu Lê Khuông D1, Lê Thị Yến N và Lê Nguyễn Cát T1 đang sống với chị L tại ấp D, xã E, huyện F, tỉnh An Giang. Cháu D1 học lớp 10 tại trường THPT Vĩnh Bình, huyện F, tỉnh An Giang và cháu Yến Nhi học lớp 8 tại trường THCS Vĩnh Bình, huyện F, tỉnh An Giang. Cháu Cát T2 còn nhỏ, chưa đi học.

Chị Nguyễn Thị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Khuông D1, sinh ngày 17/3/2005, Lê Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2007 và Lê Nguyễn Cát T2, sinh ngày 08/9/2017 đến khi 03 cháu thành niên, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh P có tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 và tài sản trong nhà.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh P có nợ Ngân hàng G huyện C số tiền 6.000.000 đồng.

Nay chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu P.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hữu P trình bày:*

Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2004, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Anh chị kết hôn thông qua mai mối, nhưng trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Theo anh P thì chị L trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như nêu trên chỉ đúng một phần. Do anh là cán bộ công chức nhà nước nên phải có quan hệ xã giao, uống rượu bia để tiếp khách, nhưng vẫn có giới hạn, không phải thường xuyên nhậu như chị L trình bày; tiền lương cán bộ công chức nhà nước của anh thấp nên việc lo cho cuộc sống kinh tế gia đình và vợ con còn hạn chế. Trong thời gian anh chị chung sống với nhau thì vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, mà trong thời gian anh và chị L chung sống với nhau, cuộc sống kinh tế khó khăn nên chị L có đi buôn bán lúa gạo (bên gia đình chị L ở tỉnh An Giang) để kiếm thêm thu nhập, nhưng chị L đi làm ăn buôn bán có khi mấy ngày không về nhà để chăm sóc cho con, khi anh sang thăm vợ và con thì nghe bà con hàng xóm với chị L nói lại là chị L đi nhậu với người khác, vì vậy, anh chị có cãi nhau, do nóng giận tức thời nên anh có đánh chị L vài bạt tay, chứ không phải đánh chị L nhiều lần như chị L trình bày. Cách nay khoảng 02 năm, thì chị L thường xuyên

sống nhà cha mẹ vợ ở ấp D, xã E, huyện F, tỉnh An Giang để đi làm ăn buôn bán. Anh và chị vẫn tới lui, qua lại thăm nom, cùng lo cho con bình thường. Khoảng 04 đến 05 tháng nay, thì anh nhận thấy tình cảm và cách đối xử của chị L đối anh không giống như trước, anh cũng có hàn gắn tình cảm với chị L nhiều lần, nhưng chị L không đồng ý. Do giữa anh và chị L xảy ra mâu thuẫn nên khi anh sang nhà cha mẹ vợ để thăm vợ con, thì anh em, con cháu chị L nói những lời nói nặng nề với anh làm anh thấy tự ái, đồng thời, do dịch Covid-19 nên anh tới lui thăm vợ con ít hơn trước, nhưng giữa anh chị không có sống ly thân. Đến nay, thì chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh.

Về con chung: Anh Lê Hữu P thống nhất chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P có 03 con chung tên Lê Khương D1, sinh ngày 17/3/2005, Lê Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2007 và Lê Nguyễn Cát T2, sinh ngày 08/9/2017.

Hiện nay, cháu D1, cháu N và cháu T2 đang sống với chị L tại ấp D, xã E, huyện F, tỉnh An Giang. Cháu D1 học lớp 10 và cháu Yến N học lớp 8 ở quê chị L (tỉnh An Giang), học tại trường nào anh không rõ. Cháu Cát T2 còn nhỏ, chưa đi học.

Anh Lê Hữu P không thống nhất giao Lê Khương D1, sinh ngày 17/3/2005 chị Nguyễn Thị L được quyền nuôi dưỡng; Mà anh Lê Hữu P yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Khương D1 đến khi cháu D1 thành niên; Anh P thống nhất giao cháu N và cháu T2 cho chị Nguyễn Thị L được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Lê Khương D1.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, anh P và chị L có tài sản chung là: 01 căn nhà cấp 4 và tài sản vật dụng trong nhà, 01 chiếc xe Vision, 01 xe Future Neo.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh P và chị L có nợ Ngân hàng G số tiền 6.000.000 đồng và nợ Ngân hàng H số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, anh Lê Hữu P có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Hữu P không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị L, do anh còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh Lê Hữu P yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Khương D1, sinh ngày 17/3/2005 đến khi cháu D1 thành niên; Thống nhất giao cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2007 và Lê Nguyễn Cát T2, sinh ngày 08/9/2017 cho chị Nguyễn Thị L được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Lê Khương D1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Hữu P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

** Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng G và Ngân hàng H vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, có văn bản trình bày ý kiến như sau: Ngân hàng G và Ngân*

hàng H không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Hữu P; Giao cháu Lê Khương D1, sinh ngày 17/3/2005, cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2007 và cháu Lê Nguyễn Cát T2, sinh ngày 08/9/2017 cho chị Nguyễn Thị L được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 02/11/2020, Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P, Giấy khai sinh của cháu Lê Khương D1, Lê Thị Yến N và Lê Nguyễn Cát T2, Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện, Bản khai của cháu Lê Khương D1 và cháu Lê Thị Yến N, Đơn xin chuyển trường cho cháu Lê Khương D1 ngày 19/01/2021, Giấy giới thiệu chuyển trường số 10/GT-SGDDT ngày 20/01/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp, Giấy chứng nhận đăng ký xe Vision biển số 66B1-503.70, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS04710 và CS04711, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho Lê Hữu P cùng ngày 28/9/2020; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS03512, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho Lê Hữu P và Nguyễn Thị L ngày 10/10/2018.

- Công văn số: 40/NHN_oTB-KH&KD ngày 15/3/2021, về việc cung cấp thông tin của Ngân hàng H – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Kèm theo: Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số: 2965/QĐ-NHN_o-PC ngày 27/12/2019; Quyết định về việc bổ nhiệm lại đối với cán bộ số: 1298/ QĐ-NHN_o-TCTL ngày 02/7/2020 của Ngân hàng H và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Ngân hàng H – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp); Đơn yêu cầu Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vắng mặt.

- Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Giấy ủy quyền cùng ngày 10/6/2019, Sổ vay vốn, thẻ theo dõi giao dịch tiền vay, Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ (hồ sơ vay vốn của anh Lê Hữu P tại Chi nhánh Ngân hàng G tỉnh Đồng Tháp – Phòng giao dịch huyện C); Đơn yêu cầu Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vắng mặt.

- Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/11/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Hữu P cư trú tại ấp A A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2004, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện không ai cưỡng ép, hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P đều xác định: Trong thời gian anh chị chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn, phát sinh từ những bất đồng ý kiến, quan điểm sống của mỗi người, anh P cũng có hành vi đánh chị L khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị L cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thường xuyên nhậu về kiếm chuyện chửi và đánh chị L nhiều lần, thậm chí anh P còn đánh cả con chung của anh chị; Chị và anh P đã được gia đình hai bên và bản thân anh chị cũng tự hàn gắn với nhau nhiều lần, nhưng những mâu thuẫn giữa vợ chồng không giải quyết được, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh P không hạnh phúc; Chị L và anh P đã không sống chung với nhau một thời gian dài, chị L và anh P đã hàn gắn với nhau nhiều lần, nhưng không hàn gắn được, chị L đã không còn tình cảm, yêu thương đối với anh P, nên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Mặc dù, anh P cho rằng anh P vẫn còn tình cảm, yêu thương đối với chị L, không muốn ly hôn, muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ; nhưng kể từ khi vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn đến nay, mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không giải quyết được, chị L vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh P. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị L và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Lê Hữu P là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P có 03 con chung tên Lê Khương D1, sinh ngày 17/3/2005, Lê Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2007 và Lê Nguyễn Cát T2, sinh ngày 08/9/2017. Xét thấy, cháu D1, cháu N và cháu T2, đang sống với chị L, cháu D1 và cháu N học tại huyện F, tỉnh An Giang. Tại phiên tòa, anh P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D1 và thống nhất giao cháu N và cháu T2 cho chị L nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu D1 có nguyện vọng được sống với chị L. Mặt khác, hiện nay cháu D1 đang học tại trường THPT Vĩnh Bình, huyện F, tỉnh An Giang. Để đảm bảo cho việc học tập của cháu D1 được ổn định và căn cứ theo nguyện vọng của cháu D1 cần tiếp tục giao các cháu D1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu D1 thành niên là phù hợp.

Tại phiên tòa, anh Lê Hữu P thống nhất giao cháu N và cháu T2 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu N và cháu T2 đến khi các cháu thành niên, nên tiếp tục giao cháu N và cháu T2 cho chị L được quyền nuôi dưỡng là phù hợp.

Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu D1 của anh P và chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu D1, cháu N và cháu T2 của chị L, giao cháu D1, cháu N và cháu T2 cho chị L được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên là phù hợp.

Do chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 03 con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung; Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị L và anh P cung cấp thông tin về nhân thân của ông Cường và bà Thảo – là người đang thuê đất của anh chị, nhưng anh chị không cung cấp, nên Tòa án không làm việc được; Ngân hàng G và Ngân hàng H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về nợ chung trong vụ án này; nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các vấn đề về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Hữu P.

- Về con chung: Giao cháu Lê Khương D1, sinh ngày 17/3/2005, Lê Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2007 và Lê Nguyễn Cát T2, sinh ngày 08/9/2017 cho chị Nguyễn Thị L được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung, do chị Nguyễn Thị L không yêu cầu

Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hữu P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Lê Hữu P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0006820 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Hữu P không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã B;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bạch Phiến